

KQ/260006013
 No.: NA260411-12NT01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH FEC SÀI GÒN**
 Địa chỉ/ Address : 27/13/9C Đường 27, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ S.I.S CẦN THƠ** - 397 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 11/04/2026
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 22/04/2026
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu nước chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 28:2010/ BTNMT
					NT01	Cột A/ (Column A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,73	6,5 ÷ 8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)/ Total suspended solids	mg/L	SMEWW 2540D:2023	1,5	8,2	50
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,0	41,6	50
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,0	18,2	30
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)/ Ammonium (NH ₄ ⁺ as N)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2023	0,5	2,4	5
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,015	75,9	30
7	Sulfua (S ²⁻)/ Sulfide	mg/L	SMEWW 4500- S ²⁻ .B&D:2023	0,03	0,086	1
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)/ Phosphat (PO ₄ ³⁻ as P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,01	4,8	6
9	Dầu mỡ động thực vật/ Animal & vegetable fats and oils	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,0	1,4	10
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α/ Gross α activity	Bq/L	TCVN 6053:2021	0,03	KPH	0,1
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β/ Gross β activity	Bq/L	TCVN 6219:2021	0,1	0,25	1
12	Tổng Coliform/ Total Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2	KPH	3000
13	Salmonella	vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9274B:2023	2	KPH	Không phát hiện/ Not detected
14	Shigella	vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9276B:2023	2	KPH	Không phát hiện/ Not detected



KQ/260006013
No.: NA260411-12NT01**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

VILAS 1399

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 28:2010/ BTNMT
					NT01	Cột A/ (Column A)
15	<i>Vibrio Cholerae</i>	vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9278B:2023	2	KPH	Không phát hiện/ Not detected

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo, không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement, Partial copies of this test result sheet are not allowed;
- Các thông tin về mẫu (Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng) do khách hàng cung cấp / The sample information (Sample name, sample code, customer name) is provided by the customer;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 28:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải Y tế/ National technical regulation on health care wastewater;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- NT01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện. Tọa độ: 10°0' 57''N – 105°44'20''E.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)****Nguyễn Tuấn Huy****TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)****Hoàng Hoài**